Ngày soạn: 04/11/2026
PPCT: từ tuần 11 đến tuần 25
Gv: Nguyễn Thị Linh

CHUYÊN ĐỀ 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

(Thời gian thực hiện: 15 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái quát về lưu vực sông Mê Kông.
- Trình bày được lý do ra đời, mục tiêu của Uỷ hội sông Mê Kông.
- Giới thiệu được một số hoạt động của Uỷ hội sông Mê Kông.
- Xác định được vai trò của Việt Nam trong Uỷ hội sông Mê Kông.
- Nêu và đánh giá được các biểu hiện của sự hợp tác trong khai thác tài nguyên thiên nhiên, phát triển giao thông vận tải, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng ở Biển Đông.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự học tự chủ: Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao. Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

+ Giao tiếp hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề.

+ Sử dụng CNTT và truyền thông: Có thể sử dụng các phương tiện công nghệ để hỗ trợ tìm kiếm thông tin liên quan đến nội dung bài học

- Năng lực địa lí

+ Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ: Phân tích được mối quan hệ tương hỗ giữa các thành phần tự nhiên và kinh tế – xã hội ở khu vực Đông Nam Á

+ Sử dụng bản đồ: Mô tả được đặc điểm về sự phân bố, quy mô, tính chất, cấu trúc, động lực của các đối tượng tự nhiên và kinh tế – xã hội được thể hiện trên bản đồ lưu vực sông Mê Kông.

+ Sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình, video clip: Nhận biết được các đặc điểm của các đối tượng tự nhiên và kinh tế – xã hội được thể hiện trên hình vẽ, tranh ảnh, mô hình,…

*** Tích hợp giáo dục năng lượng, môi trường :11.A2.2. phân tích mối quan hệ giữa phát triển thuỷ điện ở thượng nguồn sông Mê Kông và an ninh lương thực, nước ngọt hạ lưu.**

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.
- Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên.
- Ý thức trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường trong việc hợp tác và sử dụng sông Mê Kông, Biển Đông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tranh ảnh, video về sông Mê Kông, Biển Đông
- Các biểu đồ về tỷ lệ diện tích lưu vực theo quốc gia
- Lược đồ về lưu vực sông Mê Kông, hệ thống thuỷ điện trên sông Mê Kông, tài nguyên khoáng sản và khai thác tài nguyên trên Biển Đông
- Tranh ảnh, video về hợp tác, sản xuất trên sông Mê Kông và Biển Đông
- Các trang web có nội dung liên quan đến chuyên đề.
- Phiếu học tập, đánh giá kiểm tra, thống kê báo cáo.

2.Học sinh

- Các dụng cụ học tập cần thiết: giấy A4, giấy khổ lớn, bút lông màu…
- Điện thoại, máy tính có thể kết nối internet.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT)

a. Mục tiêu

- Tạo hứng thú, tò mò để tăng khả năng tương tác, tìm hiểu, phân tích vấn đề có liên quan đến nội dung bài học cho học sinh.

b. Nội dung

Học sinh tham gia trả lời các câu hỏi ở trò chơi "Thử tài hiểu biết"

c. Sản phẩm

Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV tổ chức trò chơi "Thử tài hiểu biết". GV chia lớp thành 4 đội chơi, cả 4 đội cùng trả lời các câu hỏi nhanh vào bảng trong thời gian 30 giây, nhóm nào trả lời được nhiều câu hỏi nhất thì nhóm đó sẽ thắng cuộc.

Bộ câu hỏi:

Câu 1: Tên gọi khác của sông Mê Kông ở Trung Quốc? – Lan Thương

Câu 2: Sông Mê Kông đổ ra Biển Đông qua mấy cửa? – 9 cửa

Câu 3: Sông Mê Kông chảy qua bao nhiêu quốc gia? – 6 quốc gia

Câu 4: Con dài nhất ở khu vực Đông Nam Á? – Sông Mê Kông

Câu 5: Biển Đông là biển chung của mấy nước? – 9 nước

Câu 6: Hãy kể tên một số loại tài nguyên trên Biển Đông. – Hải sản, Khoáng sản, Du lịch…

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS lần lượt trả lời các câu hỏi vào bảng
- **Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu các nhóm đồng thời giơ bảng đáp án lên khi hết thời gian, GV thống kê điểm cho các nhóm.
- **Kết luận:** GV tổng kết và dẫn dắt vào bài: *Sông Mê Công và Biển Đông có ý nghĩa quan trọng đối với sinh hoạt và sản xuất của bộ phận lớn người dân khu vực Đông Nam Á. Sông Mê Công là con sông dài nhất và quan trọng nhất khu vực Đông Nam Á lục địa; Biển Đông là biển chung của hầu hết các nước Đông Nam Á. Để khai thác và bảo vệ nguồn lợi của sông Mê Công và Biển Đông hiệu quả, các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á đã hợp tác với nhau như thế nào? Là*

quốc gia nằm trong lưu vực sông Mê Công và có chủ quyền trên Biển Đông, Việt Nam có vai trò như thế nào trong các cơ chế hợp tác có liên quan?

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí, phạm vi của sông Mê Kông

a. Mục tiêu

- Nêu được vị trí, phạm vi của lưu vực sông Mê Công.

b. Nội dung

HS hoàn thành phiếu học tập theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm

Phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc SGK và hiểu biết của bản thân để hoàn thành phiếu học tập số 1 trong thời gian 1 phút:

Phiếu học tập số 1



+ Nơi bắt nguồn: ……
+ Chảy qua các nước: ……
+ Chiều dài:……
+ Xếp hạng: ……

Đáp án

+ Nơi bắt nguồn: cao nguyên Tây Tạng – Trung Quốc
+ Chảy qua các nước: 6 nước, Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Mi-an-ma, Căm-phu-chia, Việt Nam
+ Chiều dài: 4763 km
+ Xếp hạng: 12 thế giới, 3 Châu Á

- Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, hoàn thành phiếu học tập

- Báo cáo, thảo luận: Hết thời gian, GV cho gọi HS bất kỳ đứng dậy báo cáo kết quả học tập của bản thân, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

- Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của học sinh.
+ GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.
+ HS lắng nghe, ghi bài vào vở

KIẾN THỨC CẦN ĐẠT

I. UỶ HỘI SÔNG MÊ KÔNG

1. Khái quát về lưu vực sông Mê Kông

a. Vị trí, phạm vi

+ Nơi bắt nguồn: cao nguyên Tây Tạng – Trung Quốc

+ Chảy qua các nước: 6 nước, Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Mi-an-ma, Căm-phu-chia, Việt Nam
+ Chiều dài: 4763 km
+ Xếp hạng: 12 thế giới, 3 Châu Á

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm lưu vực sông Mê Kông

a. Mục tiêu

- Nêu được khái quát về lưu vực sông Mê Công.

b. Nội dung

HS thực hiện thảo luận theo nhóm với nội dung câu hỏi:

- Dựa vào thông tin mục 1 và hình 1, hãy nêu khái quát về lưu vực sông Mê Kông

c. Sản phẩm

Câu trả lời của học sinh trên phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ:

- **Nhiệm vụ 1:** GV chia lớp thành 2 cụm, mỗi cụm có 3 nhóm để hoàn thành các phiếu học tập sau trong thời gian 3 phút.

  + Nhóm 1,4: Hoàn thành phiếu học tập sau:

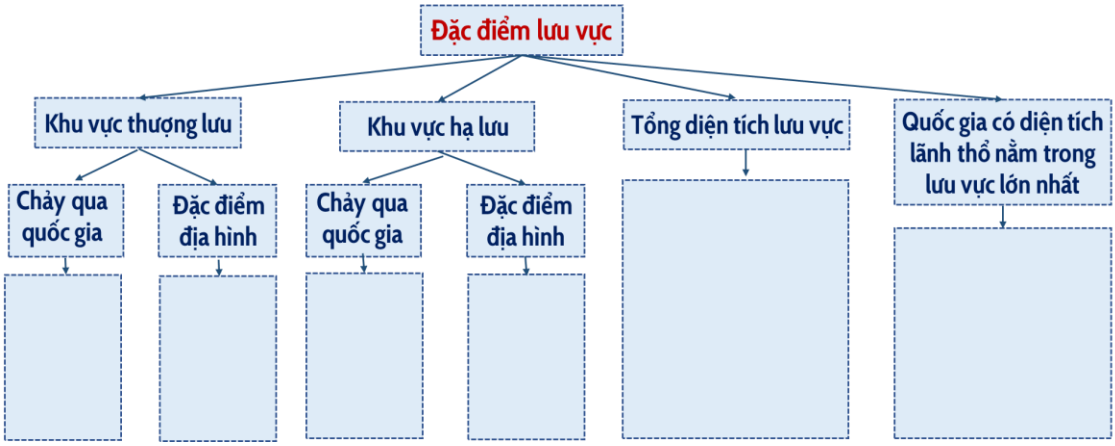

  + Nhóm 2,5: Hoàn thành phiếu học tập sau:

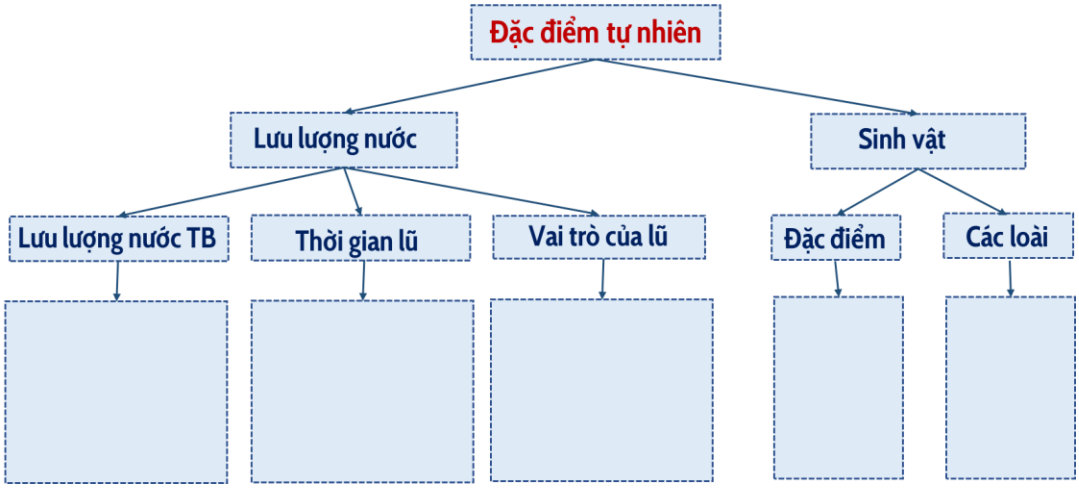

+ Nhóm 3,6: Hoàn thành phiếu học tập sau:

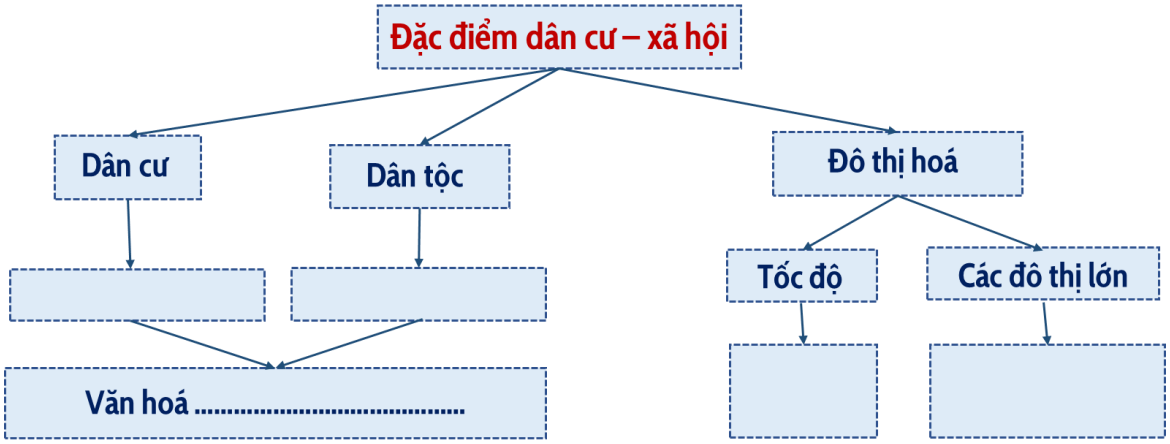

Hết thời gian 3 phút, các nhóm trong mỗi cụm sẽ lần lượt trao đổi sản phẩm để bổ sung và nhận xét cho nhau theo sơ đồ:

Cụm 1: Nhóm 1 đổi cho nhóm 2, nhóm 2 đổi cho nhóm 3, nhóm 3 đổi nhóm 1. Cứ lần lượt cho đến khi các nhóm nhận lại sản phẩm của nhóm mình

Cụm 2: Nhóm 4 đổi cho nhóm 5, nhóm 5 đổi cho nhóm 6, nhóm 6 đổi nhóm 4. Cứ lần lượt cho đến khi các nhóm nhận lại sản phẩm của nhóm mình.

- **Nhiệm vụ 2:** GV yêu cầu học sinh giữ nguyên nhóm, sơ đồ nhóm ở nhiệm vụ 1 và giao nhiệm vụ như sau:

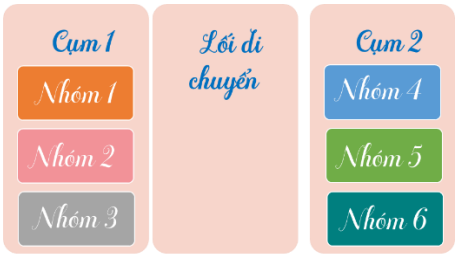

Nhiệm vụ các nhóm:
+ Hoàn thành sơ đồ tư duy về các hoạt động kinh tế ở lưu vực sông Mê Kông
+ Thời gian: 15 phút

- Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong thời gian 15 phút theo các tiêu chí sau:

Tiêu chí	Điểm tối đa
Nội dung đầy đủ, ngắn gọn	5
Hình thức đẹp, gọn gàng, khoa học	3
Hoàn thành đúng thời gian	2
Tổng	10

- Báo cáo, thảo luận: Hết thời gian, GV cho các nhóm trao đổi sản phẩm nhóm trong từng cụm:

+ Cụm 1: Nhóm 1 đưa sản phẩm cho nhóm 2, nhóm 2 đưa sản phẩm cho nhóm 3, nhóm 3 đưa sản phẩm cho nhóm 1.

+ Cụm 2: Nhóm 4 đưa sản phẩm cho nhóm 5, nhóm 5 đưa sản phẩm cho nhóm 6, nhóm 6 đưa sản phẩm cho nhóm 4.

Trong 2 phút các nhóm sẽ bổ sung, hoàn thiện đánh giá và cho điểm sản phẩm của nhóm bạn theo các tiêu chí mà giáo viên đã đưa ra. Sau đó GV chọn sản phẩm tốt nhất của 1 nhóm, đại diện nhóm lên trình bày, cho các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

- Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của học sinh.

+ GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.

+ HS lắng nghe, ghi bài vào vở

KIẾN THỨC CẦN ĐẠT

I. UỶ HỘI SÔNG MÊ KÔNG

1. Khái quát về lưu vực sông Mê Kông

a. Vị trí, phạm vi

b. Đặc điểm lưu vực

+ Đặc điểm lưu vực



+ Đặc điểm tự nhiên

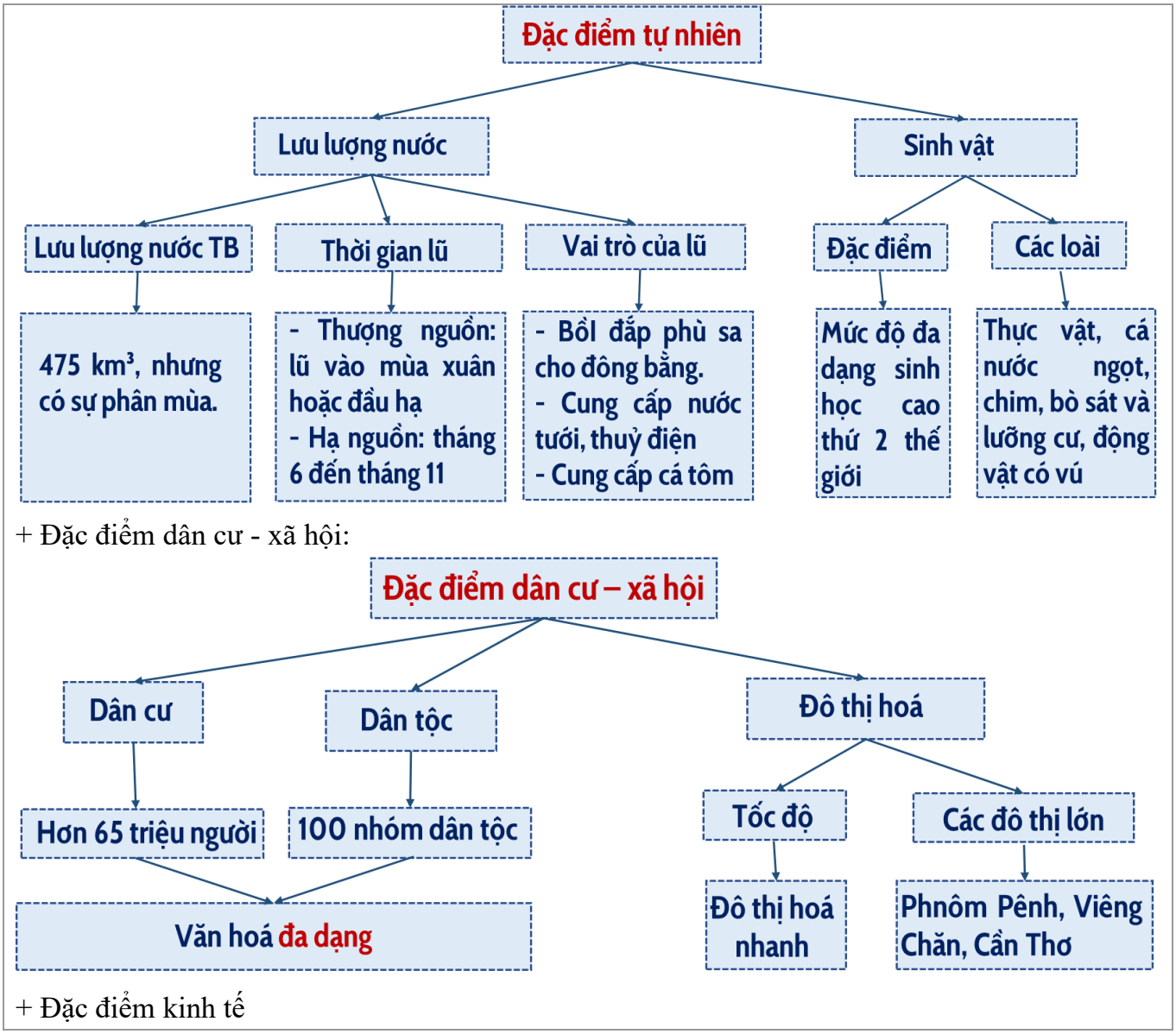

+ Đặc điểm dân cư - xã hội:

+ Đặc điểm kinh tế

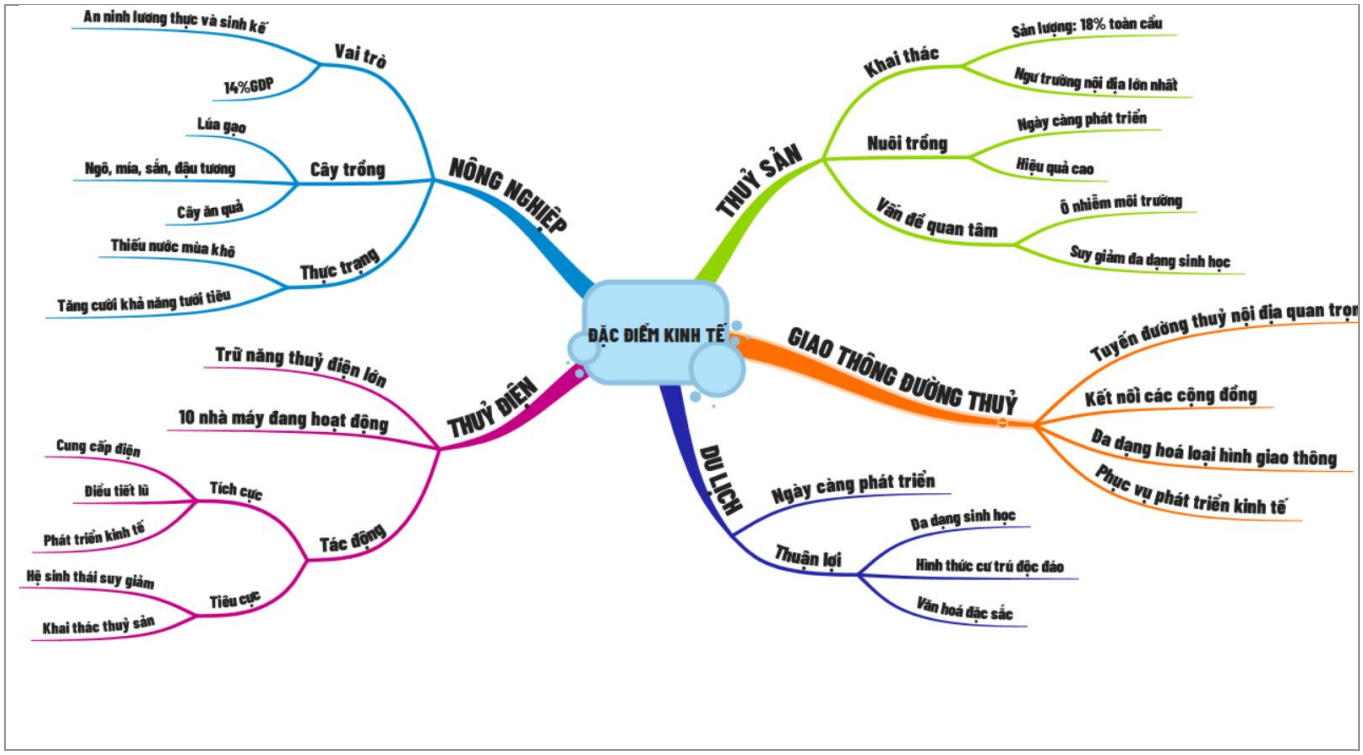

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu lý do ra đời, mục tiêu của Uỷ hội sông Mê Kông

a. Mục tiêu

- Trình bày được lý do ra đời, mục tiêu của Uỷ hội sông Mê Kông.

b. Nội dung

HS thực nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên: Dựa vào mục 2, hãy trình bày lí do ra đời, mục tiêu của Uỷ hội sông Mê Kông

c. Sản phẩm

Câu trả lời của học sinh trên phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm học sinh thảo luận giải quyết các câu hỏi: "*hãy trình bày lí do ra đời, mục tiêu của Uỷ hội sông Mê Kông*"

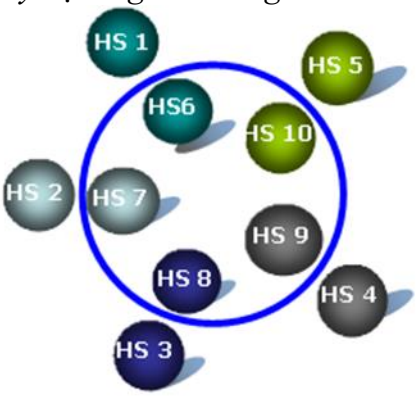

- Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thảo luận, mỗi HS ở vòng trong sẽ trao đổi với học sinh đối diện ở vòng ngoài. Sau 5 phút học sinh vòng ngoài ngồi yên, học sinh vòng trong di chuyển theo chiều kim đồng hồ tương tự như vòng bi quay để luôn hình thành các đối tác mới.

- Báo cáo, thảo luận: Sau khi kết thúc Kỹ thuật ô bi, giáo viên mời học sinh bất kì đứng dậy "trình bày lí do ra đời, mục tiêu của Uỷ hội sông Mê Kông". Các học sinh khác bổ sung.

- Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của học sinh.

+ GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.

+ HS lắng nghe, ghi bài vào vở

KIẾN THỨC CẦN ĐẠT

I. UỶ HỘI SÔNG MÊ KÔNG

1. Khái quát về lưu vực sông Mê Kông

2. Uỷ hội sông Mê Kông

a. Lý do ra đời

- Sông Mê Công có vai trò quan trọng
- Suy giảm số lượng và chất lượng nguồn nước
- Tốc độ đô thị hóa nhanh chóng
- Việc xây các đập thuỷ điện
- Tác động của biến đổi khí hậu

=> ảnh hưởng đến các hệ sinh thái trên lưu vực và sinh kế của hơn 65 triệu dân ở hạ lưu => cần đưa ra giải pháp để cân bằng giữa phát triển kinh tế và duy trì sự bền vững của hệ sinh thái trên lưu vực sông Mê Công => Năm 1995, Uỷ hội sông Mê Kông ra đời

Hình 5. Logo của Uỷ hội sông Mê Công (MRC)

b. Mục tiêu

- Thúc đẩy, phối hợp quản lí và phát triển tài nguyên nước cũng như các tài nguyên có liên quan một cách bền vững.

2.4. Hoạt động 4: Tìm hiểu một số hoạt động của Uỷ hội sông Mê Kông

a. Mục tiêu

- Giới thiệu được một số hoạt động của Uỷ hội sông Mê Kông.

b. Nội dung

- HS làm việc theo nhóm để giới thiệu một số hoạt động của Uỷ hội sông Mê Kông theo yêu cầu của giáo viên.

c. Sản phẩm

- Sản phẩm của học sinh trên giấy A0 hoặc trên PPT, hoặc trên Canva

d. Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 3 nhóm (có thể chia 2 cụm, mỗi cụm 3 nhóm tuỳ thuộc vào sĩ số lớp học) và phân công nhiệm vụ như sau:

+ Nhóm 1: Đọc thông tin và quan sát hình 6, hãy giới thiệu các hoạt động chung tiêu biểu của Uỷ hội sông Mê Kông

+ Nhóm 2: Đọc thông tin và giới thiệu các dự án quản lý tổng hợp xuyên biên giới của Uỷ hội sông Mê Kông.

+ Nhóm 3: Đọc thông tin và giới thiệu các sáng kiến và chương trình hợp tác của Uỷ hội sông Mê Kông.

Lưu ý: GV cho HS lựa chọn hình thức trình bày tùy theo sở trường:

+ Trên giấy Ao

+ Làm trên PPT

+ Làm trên Canva.com

GV yêu cầu các nhóm đưa ra lựa chọn hình thức trình bày, sau đó GV dành cho các nhóm 3 phút để lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo nhiệm vụ đã được phân công, hoàn thành sản phẩm nhóm trong thời gian 20 phút.

- Báo cáo, thảo luận: GV gọi các nhóm lần lượt lên giới thiệu các hoạt động của Uỷ hội sông Mê Kông, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của học sinh.

+ GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.

+ HS lắng nghe, ghi bài vào vở

KIẾN THỨC CẦN ĐẠT

I. UỶ HỘI SÔNG MÊ KÔNG

1. Khái quát về lưu vực sông Mê Kông

2. Uỷ hội sông Mê Kông

3. Một số hoạt động của Uỷ hội sông Mê Kông

a. Các hoạt động chung tiêu biểu

- Chia sẻ lợi ích chung về tài nguyên nước cũng như giải quyết những vấn đề xuyên biên giới trong lưu vực.

- Hỗ trợ kĩ thuật và xây dựng các công cụ thực hành nhằm giúp các quốc gia thành viên đưa ra được các quyết định về kế hoạch phát triển ở các quốc gia.

- Giải quyết những vấn đề, thách thức và cơ hội của lưu vực song song với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.



- Thông qua năm thủ tục về chất lượng nước, chia sẻ số liệu, giám sát sử dụng nước, duy trì dòng chảy và tham vấn sử dụng nước để hỗ trợ thực hiện Hiệp định sông Mê Công năm 1995.
- Hỗ trợ quá trình quy hoạch lưu vực sông dựa trên cơ sở các nguyên tắc quản lí tổng hợp tài nguyên nước, tuân thủ nguyên tắc tối đa hóa thịnh vượng kinh tế và xã hội mà không làm tổn hại đến tính bền vững của hệ sinh thái thiết yếu ở hạ lưu sông Mê Công.

BẢNG. BẢY THÀNH TỰU CỦA UỶ HỘI SÔNG MÊ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

(1) Nâng cao hiểu biết chung và tăng cường việc sử dụng tri thức dựa trên bằng chứng của các nhà hoạch định chính sách và các nhà lập kế hoạch dự án.
(2) Tối ưu hoá công tác quản lí môi trường và phát triển tài nguyên nước bền vững của các cơ quan quy hoạch ngành cấp quốc gia vì lợi ích của toàn lưu vực.
(3) Hướng dẫn xây dựng và quản lí các dự án sử dụng nước và các dự án liên quan đến nước, chia sẻ và sử dụng tài nguyên của các cơ quan quy hoạch và thực thi ở cấp quốc gia.
(4) Các quốc gia thành viên thực hiện có hiệu quả và chặt chẽ các thủ tục của Uỷ hội sông Mê Công.
(5) Đối thoại và hợp tác hiệu quả giữa các quốc gia thành viên và kết hợp các đối tác khu vực và các bên liên quan tham gia quản lí nước xuyên biên giới một cách chiến lược.
(6) Tăng cường công tác giám sát, dự báo và đánh giá tác động toàn lưu vực cũng như phổ biến các kết quả nghiên cứu trợ giúp quá trình ra quyết định của các quốc gia thành viên.
(7) Đổi mới Uỷ hội sông Mê Công quốc tế trở thành một tổ chức hiệu quả hơn, phù hợp với lộ trình phân cấp và các kế hoạch cải cách liên quan.



Hình 6. Năm thủ tục về chất lượng nước của Uỷ hội sông Mê công



b. Các dự án quản lý tổng hợp xuyên quốc gia

- Dự án Quản lí tổng hợp tài nguyên nước sông Mê Công. Dự án khuyến khích quản lí tổng hợp tài nguyên nước thông qua quy hoạch và quản lí có điều phối áp dụng những quy định về thủ tục của Uỷ hội sông Mê Công. Đây chính là các thủ tục và những công cụ kĩ thuật về quy hoạch sử dụng nước, chia sẻ số liệu và giám sát dòng chảy.



- Năm dự án song phương giữa các quốc gia để đóng góp vào hợp tác khu vực và mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của từng quốc gia, bao gồm:

+ Quản lí thuỷ sản trên dòng chính sông Mê Công và trên sông Sê Công (giữa Lào và Cam-pu-chia)

+ Quản lí tổng hợp tài nguyên nước xuyên biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia tại Tiểu lưu vực sông Sê San và Sêrêpôk;

+ Quản lí tổng hợp tài nguyên nước xuyên biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia tại đồng bằng sông Mê Công;
+ Quản lí bãi ngập lũ và đất ngập nước (giữa Lào và Thái Lan);
+ Dự án tăng cường hợp tác truyền thông giữa hồ Tôn-lê Sáp – Song-kha (Cam-pu-chia và Thái Lan).
+ Năm dự án song phương tập trung vào quản lí thuỷ sản, đất ngập nước, châu thổ, hồ và lưu vực sông để giải quyết những vấn đề nước xuyên biên giới như áp lực do đô thị hoá, phát triển cơ sở hạ tầng và biến đổi khí hậu ảnh hưởng xấu đến các cộng đồng ven sông xuyên biên giới.
- Mục tiêu các dự án: tăng cường năng lực cấp tỉnh và quốc gia liên quan đến sử dụng nước có điều phối, cũng như tạo ra một khung thể chế tốt hơn về quản lí chung tài nguyên nước xuyên biên giới dựa trên quản lí tổng hợp tài nguyên nước.

c. Các sáng kiến và chương trình hợp tác

- Các sáng kiến hợp tác tiêu biểu
+ Sáng kiến thích ứng với biến đổi khí hậu (CCAI): Là một sáng kiến cộng tác khu vực giữa các nước hạ nguồn sông Mê Công nhằm hỗ trợ các nước thích ứng với các tác động và những thách thức mới của biến đổi khí hậu thông qua việc cải tiến quy hoạch, thực hiện và học hỏi.
+ Sáng kiến phát triển thuỷ điện bền vững (ISH): Trước tình hình phát triển thuỷ điện ồ ạt trên lưu vực, nhằm đáp ứng được mục tiêu của Hiệp định Hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mê Công năm 1995, từ năm 2007 đến 2009, Uỷ hội sông Mê Công đã xác lập sáng kiến này nhằm hỗ trợ các nước thành viên trong việc quyết định phát triển và quản lí thuỷ điện trên cơ sở quản lí tổng hợp tài nguyên nước trên toàn lưu vực, thông qua các cơ chuẩn quốc gia, phù hợp với Hiệp định.
- Các chương trình hợp tác tiêu biểu
+ Chương trình nông nghiệp và thuỷ lợi (AIP) nhằm xác định các rủi ro trong lĩnh vực nông nghiệp đối với sinh thái, sinh kế và an ninh lương thực cho cộng đồng nông thôn.
+ Chương trình quản lí hạn hán (DMP) nhằm hỗ trợ các nước thành viên giảm thiểu tác động của hạn hán.
+ Chương trình môi trường (EP) nhằm thực hiện giám sát chất lượng nước định kì theo các hướng dẫn kĩ thuật đã thỏa thuận để thực hiện các quy trình về chất lượng nước.
+ Chương trình thuỷ sản (FP) nhằm cung cấp dữ liệu thường xuyên về giám sát nghề cá trong khu vực cho các nghiên cứu liên quan.
+ Chương trình giao thông thuỷ (NAP) nhằm tăng cường tự do giao thông thuỷ và phát triển thương mại vì lợi ích chung của các nước thành viên thuộc Uỷ hội sông Mê Kông, hỗ trợ và hợp tác trong phát triển vận tải an toàn, có hiệu quả, bền vững về môi trường nước.



- Các hoạt động giữa Uỷ hội sông Mê Công và các quốc gia có liên quan:

+ Hợp tác Mê Công - Lan Thương (Trung Quốc) ra đời năm 2016, là cơ chế hợp tác đầu tiên về tài nguyên nước trên toàn lưu vực có sự tham gia của tất cả sáu quốc gia ven sông Mê Công. Đây là kênh đối thoại với Trung Quốc và các quốc gia Mê Công về vấn đề quản lí và sử dụng bền vững nguồn nước sống Mê Công, thúc đẩy các quốc gia thượng nguồn chia sẻ thông tin, công khai các dự án phát triển trên sông Mê Công.



Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao Hợp tác Mekong – Lan Thương (MLC) lần thứ 7 đã diễn ra tại Bagan, Myanmar

+ Quan hệ đối tác Mê Công – Hoa Kỳ ra đời năm 2009, là sáng kiến giữa Hoa Kỳ và các quốc gia Mê Công bao gồm Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào và Mi-an-ma (tham gia từ năm 2012). Đây là một diễn đàn để các thành viên cùng đưa ra các giải pháp chung đối với các thách thức phát triển xuyên biên giới ở khu vực.

+ Hợp tác Mê Công – Nhật Bản được thực hiện từ năm 2007 trên cơ sở triển khai các lĩnh vực hợp tác nhằm thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ, bảo vệ môi trường và an ninh nguồn nước sông Mê Công. Trong khuôn khổ này, các sáng kiến hợp tác trọng tâm là sáng kiến Mê Công xanh và sáng kiến hợp tác kinh tế và công nghiệp Mê Công – Nhật Bản.

+ Hợp tác Mê Công – Hàn Quốc ra đời từ năm 2011 nhằm tăng cường quan hệ hợp tác, phát triển với các nước khu vực sông Mê Công, thiết lập quan hệ đối tác toàn diện giữa các nước Mê Công và Hàn Quốc vì thịnh vượng chung. Các lĩnh vực ưu tiên là kết nối ASEAN, phát triển bền vững và phát triển nhân lực.

+ Hợp tác Mê Công – sông Hằng (Ấn Độ) ra đời từ năm 2000 nhằm củng cố tình hữu nghị, đoàn kết giữa các nước thuộc lưu vực sông Mê Công và sông Hằng thông qua 4 lĩnh vực hợp tác chính là du lịch, văn hoá, giáo dục và kết nối giao thông.

2.5. Hoạt động 5: Tìm hiểu vai trò của Việt Nam trong Uỷ hội sông Mê Kông

a. Mục tiêu

- Xác định được vai trò của Việt Nam trong Uỷ hội sông Mê Kông.

b. Nội dung

HS thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giáo viên: Dựa vào thông tin mục 4, hãy nêu vai trò của Việt Nam trong các lĩnh vực khác nhau của Uỷ hội sông Mê Kông.

c. Sản phẩm

Sản phẩm thảo luận nhóm của học sinh trên giấy Ao

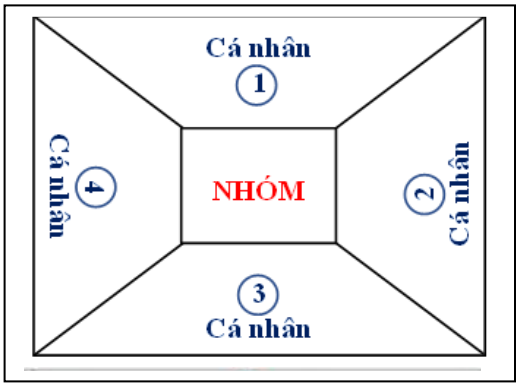

d. Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm "Dựa vào thông tin mục 4, hãy nêu vai trò của Việt Nam trong các lĩnh vực khác nhau của Uỷ hội sông Mê Kông"

- Thực hiện nhiệm vụ: Các thành viên trong nhóm sẽ ghi các biện pháp của cá nhân lên xung quanh phiếu học tập trong vòng 5 phút. Sau đó cả nhóm thảo luận để thống nhất ý kiến chung trong vòng 7 phút.

- Báo cáo, thảo luận: Hết thời gian, GV gọi học sinh bất kì lên bảng trình bày các thông tin đã ghi lại được. Một số học sinh khác nhận xét và bổ sung.

- Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của học sinh.

+ GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.

+ HS lắng nghe, ghi bài vào vở

KIẾN THỨC CẦN ĐẠT

I. UỶ HỘI SÔNG MÊ KÔNG

1. Khái quát về lưu vực sông Mê Kông

2. Uỷ hội sông Mê Kông

3. Một số hoạt động của Uỷ hội sông Mê Kông

4. Vai trò của Việt Nam trong Uỷ hội sông Mê Kông

Việt Nam tham gia Uỷ hội sông Mê Kông vào năm 1978, từ đó đến nay Việt Nam luôn là thành viên tích cực và có vai trò quan trọng:

- Vai trò đối với việc quản lí, giám sát tài nguyên xuyên biên giới:

+ Việt Nam quản lí hoạt động hợp tác với Uỷ hội sông Mê Kông nhằm phát triển, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và các tài nguyên khác liên quan trên toàn lưu vực sông Mê Kông.

+ Việt Nam cùng với Cam-pu-chia đã hoàn thành hai trong số năm sáng kiến song phương quản lí tài nguyên nước: dự án Quản lí tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông Sê San – Sêrêpôk và dự án Quản lí tổng hợp tài nguyên nước đồng bằng sông Mê Công.

- Vai trò đối với việc lồng ghép hoạt động của Uỷ hội và các hợp tác đa phương, song phương:

+ Việt Nam tích cực tăng cường và thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia thành viên và giữa Uỷ hội với các đối tác đối thoại, các sáng kiến vùng và các đối tác phát triển, góp phần tăng cường vai trò của Uỷ hội trong việc sử dụng, quản lí, bảo vệ tài nguyên nước và tài nguyên liên quan của lưu vực sông Mê Công.

+ Thúc đẩy hợp tác với các nước khác tham gia hợp tác Mê Công, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực. Hiện nay, Uỷ hội sông Mê Công có 14 đối tác phát triển và đang tích cực thúc đẩy mở rộng hợp tác liên lưu vực sông, trong đó có sông Hằng, sông Đa-nuýp, sông Nin, sông A-ma-dôn và sông Mi-xi-xi-pi. Việt Nam tích cực thúc đẩy hợp tác với các đối tác này.

- Vai trò trong việc xây dựng các chiến lược của Uỷ hội: Việt Nam đóng vai trò tích cực trong quá trình tái cấu trúc và nội vùng hoá nhằm phát triển bền vững sống Mê Công.
- Vai trò trong đàm phán, kí kết bộ Quy chế sử dụng nước, thúc đẩy các chương trình, dự án của Uỷ hội:

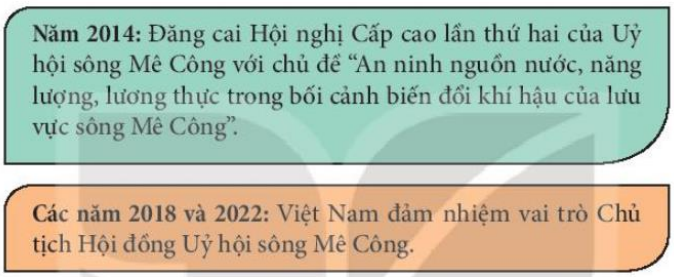

Hình 8. Các sự kiện tiêu biểu của Uỷ hội sông Mê Công được tổ chức tại Việt Nam

+ Tham gia Công ước Liên hợp quốc về Luật sử dụng các nguồn nước xuyên biên giới vì các mục đích phi giao thông, thuỷ điện năm 1997.
+ Chính phủ Việt Nam ban hành nhiều chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch để khai thác, sử dụng hiệu quả và bảo vệ nguồn tài nguyên nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
+ Việt Nam tiếp cận phát triển bền vững theo hướng chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, tạo ra những thay đổi cơ bản từ nhận thức, tư duy đến hành động trong mối quan hệ với tự nhiên, xác định nền tảng phát triển bền vững phải dựa trên sự tôn trọng các quy luật tự nhiên thông qua việc ban hành Luật Môi trường và Luật Tài nguyên nước (2020).

2.6. Hoạt động 6: Tìm hiểu hợp tác trong khai thác tài nguyên thiên nhiên ở Biển Đông

a. Mục tiêu

- Nêu và đánh giá được các biểu hiện của sự hợp tác trong khai thác tài nguyên thiên nhiên ở Biển Đông.

b. Nội dung

HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên: Dựa vào thông tin mục 1, hãy nêu và đánh giá các biểu hiện của hợp tác trong khai thác tài nguyên thiên nhiên ở Biển Đông.

c. Sản phẩm

Sản phẩm của học sinh trên phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập sau trong thời gian 8 phút:

Vấn đề hợp tác		Các hợp tác khai thác	Biểu hiện
Hợp tác về khai thác thuỷ sản			
Hợp tác về khai thác khoáng sản	Dầu khí		
	Năng lượng tái tạo		
Hợp tác về khai thác tài nguyên du lịch			
Hợp tác bảo vệ tài nguyên biển			

Các nhóm thảo luận và ghi kết quả làm việc vào giấy Ao trong thời gian 8 phút. Sau đó, các nhóm bắt đầu trao đổi chéo sản phẩm để đánh giá và nhận xét cho nhau: Nhóm 1 và nhóm 2 đổi cho nhau, nhóm 3 và nhóm 4 đổi cho nhau để đánh giá và bổ sung trong thời gian 4 phút .

- Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thảo luận, thống nhất ghi kết quả làm việc vào phiếu học tập và đánh giá, bổ sung thêm cho nhóm bạn.

- Báo cáo, thảo luận: GV tiến hành cho bắt thăm các vấn đề để các nhóm báo cáo, mỗi nhóm báo cáo về một vấn đề hợp tác. Sau khi nhóm báo cáo xong thì các nhóm khác phải nhận xét và bổ sung, phát vấn và phản biện….

- Kết luận, nhận định:

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ GV chuẩn kiến thức, mở rộng kiến thức

+ HS: Lắng nghe, ghi bài.

KIẾN THỨC CẦN ĐẠT

I. UỶ HỘI SÔNG MÊ KÔNG

II. HỢP TÁC HOÀ BÌNH TRONG KHAI THÁC BIỂN ĐÔNG

1. Hợp tác trong khai thác tài nguyên thiên nhiên

Vấn đề hợp tác	Các hợp tác khai thác	Biểu hiện
Hợp tác về khai thác thuỷ sản	Hợp tác nghề cá trong vịnh Bắc Bộ	- Ký kết giữa Việt Nam với Trung Quốc - Hai nước thiết lập một vùng đánh cá chung - Nguyên tắc: nguyên tắc bảo tồn, quản lí các nguồn lợi thuỷ sản và nguyên tắc bình đẳng về năng lực tàu thuyền. - Việt Nam có các chính sách phù hợp với công tác quản lí hoạt động của ngư dân
	Hợp tác nghề cá trong vịnh Thái Lan	- Việt Nam đã cùng Thái Lan và Cam-pu-chia lần lượt kí các thỏa thuận nhằm hợp tác khai thác chung - Hiệp định vùng nước lịch sử Việt Nam – Cam-pu-chia cho phép ngư dân hai nước duy trì tập quán đánh bắt cũ và không quy định cụ thể mô hình, số lượng đánh bắt. - Việt Nam và Thái Lan đã kí Hiệp định về phân định ranh giới trên biển giữa hai nước trong vịnh Thái Lan.
	Hợp tác nghề cá với các quốc gia khác	Việt Nam có sự hợp tác bền vững và toàn diện với In-đô-nê-xi-a trong lĩnh vực biển và nghề cá; quản lí khai thác thuỷ sản có trách nhiệm và chống khai thác thuỷ hải sản bất hợp pháp
Hợp tác về khai thác khoáng sản	Các hoạt động khai thác dầu khí ở vịnh Thái Lan	+ Thoả thuận ghi nhớ về hợp tác hoà bình trong khai thác chung dầu khí Việt Nam và Ma-lai-xi-a (1992): nguyên tắc chia sẻ đồng đều chi phí và phân chia đồng đều lợi ích.

		+ Hợp tác giữa Ma-lai-xi-a và Thái Lan (1979): Ma-lai-xi-a và Thái Lan đã kí Bản ghi nhớ về vấn đề khai thác chung dầu khí tại vùng biển chồng lấn chủ quyền trong khu vực Biển Đông. + Hiệp định phân định ranh giới thềm lục địa giữa Việt Nam và In-đô-nê-xi-a (2003): Hiệp định gồm 6 điều có nội dung liên quan đến vị trí đường phân định, tính chất của đường phân định, bảo vệ môi trường biển, cách thức xử lí các cấu tạo mỏ dầu khí hoặc mỏ khoáng sản nằm vắt ngang qua đường phân định, cách thức giải quyết hòa bình tranh chấp thông qua hiệp thương hoặc đàm phán. + Hợp tác thăm dò địa chấn (JMSU) trên Biển Đông giữa Trung Quốc, Phi-líp-pin và Việt Nam: Hợp tác được kí kết vào ngày 1 – 7 – 2005 nhằm xác định có hay không các mỏ dầu khí dưới đáy biển từng được giả định là có trữ lượng cực lớn. + Bản ghi nhớ về dự án đường ống dẫn khí xuyên Đông Nam Á: Tuyến đường ống nối tiếp giữa các nước trong khu vực như giữa Việt Nam và Ma-lai-xi-a qua đường ống PM3, các đường ống dẫn khí giữa Thái Lan và Mi-an-ma, Xin-ga-po và In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a. Các nước thành viên đã ký thỏa thuận ghi nhớ (MOU) gia hạn thời gian hợp tác dự án thêm đến năm 2024 sau bản ghi nhớ được kí kết lần đầu tiên vào ngày 21 – 5 – 2004. + Hợp tác giữa Phi-líp-pin và Trung Quốc (2018): Hai quốc gia đã kí Bản ghi nhớ về việc hợp tác khai thác dầu khí chung ở Biển Đông.
	Năng lượng tái tạo	- Hợp tác khai thác điện gió ngoài khơi giữa Việt Nam và Đan Mạch, giữ Việt Nam và Pháp
Hợp tác về khai thác tài nguyên du lịch		Việt Nam đã ký thỏa thuận, bản ghi nhớ với Phi-líp-pin và Xin-ga-po về phát triển du lịch tàu biển; Việt Nam kí kết hợp tác phát triển hành lang ven biển phía nam với Thái Lan và Cam-pu-chia.
Hợp tác bảo vệ tài nguyên biển		- Bản ghi nhớ về triển khai hợp tác thả giống và bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản ở vịnh Bắc Bộ (2017) giữa Việt Nam và Trung Quốc. – Tuyên bố lãnh đạo cấp cao ASEAN về chống rác thải biển. – Khung hành động nhằm xử lí vấn nạn rác thải. – Sáng kiến Mạng lưới ASEAN (IUU) về chống đánh bắt thuỷ sản trái phép,...

2.7. Hoạt động 7: Tìm hiểu hợp tác trong hợp tác phát triển giao thông vận tải và hợp tác trong bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc phòng ở Biển Đông

a. Mục tiêu

- Nêu và đánh giá được các biểu hiện của sự hợp tác trong phát triển giao thông vận tải, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng ở Biển Đông.

b. Nội dung

HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên:

+ Dựa vào thông tin mục 2, hãy nêu và đánh giá các biểu hiện của hợp tác trong phát triển giao thông vận tải ở Biển Đông.

+ Dựa vào thông tin mục 3, hãy nêu và đánh giá các biểu hiện của hợp tác trong bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng ở Biển Đông.

c. Sản phẩm

- Sản phẩm của học sinh trên giấy A0 hoặc trên PPT, hoặc trên Canva

d. Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm và phân công nhiệm vụ như sau:

+ Nhóm 1,3: Dựa vào thông tin mục 2, hãy nêu và đánh giá các biểu hiện của hợp tác trong phát triển giao thông vận tải ở Biển Đông.

+ Nhóm 2,4: Dựa vào thông tin mục 3, hãy nêu và đánh giá các biểu hiện của hợp tác trong bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng ở Biển Đông.

Lưu ý: GV cho HS lựa chọn hình thức trình bày tùy theo sở trường:

+ Trên giấy Ao

+ Làm trên PPT

+ Làm trên Canva.com

GV yêu cầu các nhóm đưa ra lựa chọn hình thức trình bày, sau đó GV dành cho các nhóm 3 phút để lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo nhiệm vụ đã được phân công, hoàn thành sản phẩm nhóm trong thời gian 20 phút. Sau đó, nhóm 1 đổi sản phẩm cho nhóm 3, nhóm 2 đổi sản phẩm cho nhóm 4 để chấm chéo, nhận xét và bổ sung cho nhau

- Báo cáo, thảo luận: GV gọi các nhóm lần lượt lên trình bày sản phẩm của nhóm mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của học sinh.

+ GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.

+ HS lắng nghe, ghi bài vào vở

KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
I. UỶ HỘI SÔNG MÊ KÔNG
II. HỢP TÁC HOÀ BÌNH TRONG KHAI THÁC BIỂN ĐÔNG
1. Hợp tác trong khai thác tài nguyên thiên nhiên
2. Hợp tác trong phát triển giao thông vận tải

- Các hợp tác được thể hiện trong Hiến chương ASEAN



+ Các quốc gia trong ASEAN thi hành các điều ước về Công ước tạo thuận lợi giao thông hàng hải quốc tế; duy trì và tổ chức các hội nghị của Nhóm công tác vận tải hàng hải ASEAN, xây dựng cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và quản lí chuyên ngành đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.

+ Các nước ASEAN tăng cường phối hợp trong công tác vận tải biển, triển khai kế hoạch trao đổi dữ liệu điện tử (EDI) tại các cảng ASEAN, hướng tới thiết lập cơ chế phối hợp quốc gia về cơ sở hạ tầng tại cảng và đường bộ để tạo ra khả năng tiếp cận tốt hơn.

+ Các quốc gia ASEAN tăng cường kí kết các hiệp định hàng hải, vận tải biển song phương và đa phương, xây dựng mạng lưới kết nối các hoạt động cùng tham gia dịch vụ giao thông vận tải biển.

+ Hợp tác đường hàng không trên Biển Đông: Xây dựng chính sách để thực hiện các hoạt động và dịch vụ vận chuyển hàng không nhằm tăng cường hơn nữa an toàn, an ninh và hiệu quả của vùng trời các quốc gia.

- Hợp tác phát triển hành lang ven biển các tỉnh phía nam của Việt Nam với Cam-pu-chia và Thái Lan (CVTEC), trong đó tập trung phát triển các ngành vận tải, thương mại và du lịch.

- Các kí kết giữa ASEAN với các quốc gia Đông Á: ASEAN cũng đẩy mạnh hợp tác với các đối tác đối thoại như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc cũng như các đối tác quốc tế khác về các lợi ích chung nhằm cải thiện kết nối, tăng cường an toàn và bền vững trong lĩnh vực giao thông vận tải biển, phát triển các cảng thông minh và cảng xanh ở ASEAN.

3. Hợp tác trong bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng

a. Hợp tác trong kí kết Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)

- Ngày 4 – 11 – 2002 tại Hội nghị thượng đỉnh Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Trung Quốc thống nhất Tuyên bố về ứng xử của các Bên ở Biển Đông (DOC).

- Mục đích của DOC là nhằm thúc đẩy một môi trường hoà bình, ổn định và hữu nghị giữa các quốc gia trong khu vực Biển Đông và tạo điều kiện cho việc giải quyết các tranh chấp lãnh thổ trong khu vực này một cách hoà bình và lâu dài.

- Các nước ASEAN và Trung Quốc đã đạt được một tiến bộ trong việc giải quyết các tuyên bố chủ quyền tại các vùng chồng lấn thuộc hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

b) Hợp tác trong xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC)

- Ngày 6 – 8 – 2017, Bộ trưởng ngoại giao các nước ASEAN và Trung Quốc chính thức đưa ra dự thảo khung Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (còn gọi là dự thảo COC).

- Mục tiêu là khắc phục những điểm bất cập của DOC, dựa trên nền tảng luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS) và các văn bản pháp lí liên quan khác.
- COC sẽ thực sự là cơ sở pháp lí hàng đầu, nhân tố quan trọng góp phần ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ xung đột, chiến tranh, đảm bảo duy trì hòa bình, ổn định, an ninh cho vùng Biển Đông nói riêng, khu vực châu Á – Thái Bình Dương và thế giới nói chung.

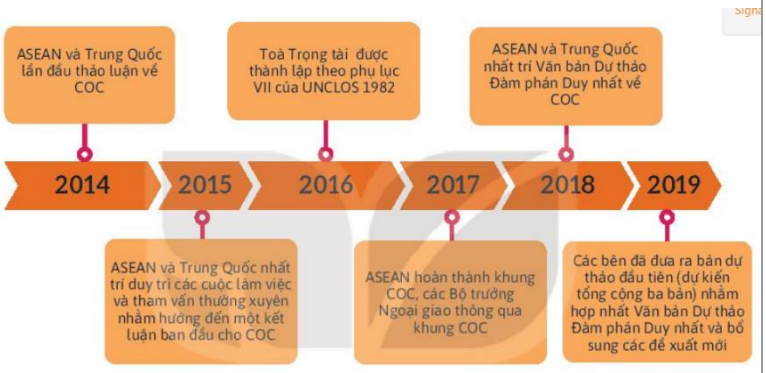

Hình 14. Quá trình xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC)

c) Các hình thức hợp tác khác

- Hợp tác trong việc chấp hành nghiêm túc Luật pháp quốc tế và Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982.
- Các hiệp định và biên bản ghi nhớ

+ Hiệp định hợp tác giữa Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a nhằm tiến hành tập trận chung trên biển và phối hợp tuần tra hàng hải tại eo Ma-lắc-ca.
+ Biên bản ghi nhớ về hợp tác quốc phòng giữa Việt Nam và Phi-líp-pin, năm 2010.
+ Hiệp định hợp tác quốc phòng (DCA) giữa Việt Nam và Xin-ga-po, năm 2022.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

- Củng cố kiến thức bài học
- Hoàn thiện, bổ sung những kiến thức học sinh còn chưa nắm vững

b. Nội dung

- Học sinh hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm

- Bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu học sinh làm các bài tập sau:

1. Lập bảng thể hiện các đặc điểm của lưu vực sông Mê Kông theo mẫu sau vào vở:

Yếu tố	Đặc điểm
Diện tích	
Lưu vực và chế độ nước sông	
Sinh vật	
Dân cư	
Hoạt động kinh tế	

2. Chứng minh sự hợp tác đa dạng của Việt Nam trong khai thác tài nguyên thiên nhiên và giao thông vận tải ở Biển Đông.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi vào vở
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi. HS khác bổ sung ý kiến.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng kết, đánh giá và cho điểm.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học giải quyết vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập ở nhà theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Bài làm của nhóm HS .

Tham khảo

1. Tác động đến an ninh nước ngọt hạ lưu

- **Biến đổi chế độ thủy văn và nghịch lý lũ – hạn:** Các hồ chứa lớn ở thượng nguồn tích nước vào mùa mưa và xả phát điện vào mùa khô, làm suy giảm đỉnh lũ tự nhiên nhưng đôi khi gây dao động dòng chảy bất thường vào mùa khô. Điều này làm gián đoạn cơ chế đẩy mặn tự nhiên của sông Mê Kông.
- **Gia tăng xâm nhập mặn và thiếu hụt nước ngọt:** Khi lưu lượng nước ngọt đổ về hạ lưu giảm kết hợp với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, nước mặn xâm nhập sâu hơn vào nội đồng Đồng bằng sông Cửu Long. Nguồn nước ngọt phục vụ sinh hoạt, tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản nước ngọt bị thu hẹp cả về số lượng lẫn chất lượng.
- **Sụt giảm phù sa và sạt lở bờ sông, bờ biển:** Đập thủy điện giữ lại lượng lớn trầm tích và phù sa lơ lửng. Thiếu phù sa làm giảm khả năng bồi đắp tự nhiên, đẩy nhanh tình trạng sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển và làm trầm trọng thêm hiện tượng sụt lún đồng bằng.

2. Tác động đến an ninh lương thực hạ lưu

- **Suy giảm năng suất nông nghiệp và diện tích canh tác:** Thiếu nước ngọt tưới tiêu và nhiễm mặn làm giảm năng suất lúa, cây ăn quả và hoa màu, buộc nhiều diện tích phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng hoặc bỏ hoang vụ sản xuất. Phù sa giảm cũng làm suy giảm độ phì nhiêu tự nhiên của đất, tăng chi phí phân bón đầu vào.
- **Tổn thất thủy sản và nguồn đạm:** Các công trình đập chắn ngang dòng chảy cản trở tuyến di cư sinh sản của nhiều loài cá, làm biến đổi nhiệt độ nước và phá vỡ chu kỳ ngập lũ nuôi dưỡng bãi đẻ (như hệ thống Biển Hồ Tonlé Sap và vùng ngập hạ lưu). Sản lượng thủy sản tự nhiên sụt giảm trực tiếp đe dọa nguồn đạm chính và sinh kế của hàng triệu cư dân hạ lưu.
- **Tác động kép lên nuôi trồng thủy sản:** Xâm nhập mặn và biến động chất lượng nước gây thiệt hại cho vùng nuôi nước ngọt, đồng thời tạo áp lực thích ứng lớn cho các mô hình nuôi nước lợ/mặn khi độ mặn và môi trường nước biển động ngoài quy luật.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ**: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để hoàn thành yêu cầu. ***Phân tích mối quan hệ giữa phát triển thuỷ điện ở thượng nguồn sông Mê Kông và an ninh lương thực, nước ngọt hạ lưu.***

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà tìm hiểu, viết báo cáo ngắn, GV sẽ kiểm tra một số nhóm vào tiết học sau.

- GV đánh giá quá trình tự học và tư duy phản biện ở nhà của HS.
- GV hướng dẫn HS chốt kiến thức có liên quan.

4. Củng cố, dặn dò: GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành yêu cầu phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: **CHUYÊN ĐỀ 11.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DU LỊCH THẾ GIỚI**

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ ĐỊA LÍ 11